

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/DS-PT
Ngày: 23-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Ông Võ Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị C, sinh năm 1968; địa chỉ: Nhà số 12, Tổ 36, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị T (tên gọi khác là Võ Thị G), sinh năm 1968; ông Trương Văn Th, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Nhà số 147, Tổ 6, ấp Th, xã Tr, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà T có mặt, ông Th vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Võ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-11-2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị C trình bày:

Bà cho bà G (T) vay tiền nhiều lần, mỗi lần cho vay đều viết giấy nợ. Khi bà G nói vay tiền để trồng dưa, khi thì nói vay để trả nợ Ngân hàng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 6% tháng (2.000 đồng/ngày); khoản cho vay trả đáo hạn Ngân hàng số tiền vay 55.000.000 đồng thì lãi suất 5.000 đồng/ngày. Bà G có trả tiền lãi cho bà được 05 ngày số tiền 1.375.000 đồng. Đến ngày 05-5-2019 âm lịch hai bên cộng nợ lại tổng cộng bà G ký nhận nợ cho bà số tiền 95.000.000 đồng thỏa thuận trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và không tính lãi. Giấy nợ do bà G tự viết xác nhận nợ rồi đưa cho bà, bà trả lại cho bà G các giấy nợ cũ. Tại phiên tòa bà yêu cầu bà G (T) trả cho bà tiền nợ gốc 95.000.000 đồng, bà không yêu cầu trả tiền lãi. Bà không yêu cầu ông Trương Văn Th là chồng của bà G (T) chịu trách nhiệm cùng với bà G trả nợ cho bà.

Bị đơn - bà Võ Thị T (tên gọi khác Võ Thị G) trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Tháng 01-2017 âm lịch bà có vay tiền của bà C nhiều lần, tổng cộng vay 39.000.000 đồng, mục đích vay để lấy vốn làm ăn, khi vay tiền thì có ký nhận nợ vào cuốn sổ ghi nợ của bà C, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/ngày, mỗi tháng trả lãi một lần là 6.000.000 đồng. Bà phải đóng lãi số tiền 6.000.000 đồng và đã đóng lãi được đến tháng 9-2018 âm lịch thì ngưng. Đến ngày 05-5-2019 âm lịch bà C đến nhà của bà yêu cầu ký giấy nhận nợ số tiền 95.000.000 đồng, khi viết giấy thì bà C đọc nội dung cho bà viết bên dưới chữ của bà C viết và bà ký tên vào giấy nhận nợ số tiền vay là 95.000.000 đồng.

Nay bà C yêu trả nợ số tiền 95.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà C số tiền 20.000.000 đồng và trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị C đối với bà Võ Thị T (tên gọi khác là Võ Thị G) yêu cầu trả tiền gốc cho vay.

Buộc Võ Thị T (Võ Thị G) có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà Ngô Thị C tiền nợ gốc 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng.

Ghi nhận bà C không yêu cầu ông Trương Văn Th có nghĩa vụ cùng với bà T (G) trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 bà Võ Thị T (Võ Thị G) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng bà chỉ vay của bà C số tiền 39.000.000 đồng tiền gốc và đã đóng lãi 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Bà chấp nhận trả cho bà C số tiền 39.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhưng phải được khấu trừ vào tiền lãi bà đã đóng.

Tại phiên tòa, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T thì thấy rằng:

[1] Ngày 05-5-2019 (âm lịch) bà C và bà T có viết giấy biên nhận để xác nhận bà Võ Thị T có vay của bà C số tiền 95.000.000 đồng, bà T thừa nhận viết nhận nợ và ký tên Võ Thị G. Hai bên thống nhất nợ số tiền 95.000.000 đồng và thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 95.000.000 đồng. Bà T cho rằng thực tế bà chỉ vay của bà C số tiền 39.000.000 đồng và đã đóng lãi 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng nhưng không được bà C thừa nhận. Bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà nên không có cơ sở xem xét.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T có nghĩa phải trả nợ cho bà C số tiền 95.000.000 đồng là có căn cứ. Bà T kháng cáo cũng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T; giữ nguyên

bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T (tên gọi khác Võ Thị G); giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị C đối với bà Võ Thị T (tên gọi khác là Võ Thị G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc Võ Thị T (tên gọi khác Võ Thị G) có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị C tiền nợ gốc 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi.

Ghi nhận bà C không yêu cầu ông Trương Văn Th có nghĩa vụ cùng với bà T (G) trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị T (tên gọi khác Võ Thị G) phải chịu 4.750.000 (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Ngô Thị C không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Ngô Thị C 2.517.500 (hai triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0003918 ngày 03-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị T (tên gọi khác Võ Thị G) phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004480 ngày 11-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Bà T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Huyện DMC;
- CC THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Văn Be